

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Tên CTQLQ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương (TCC)  
**Tên Quỹ: Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom (TCBF)**  
Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 10, số 191 phố Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Điện thoại: +84 24 3944 6368 Fax: +84 24 3944 6583  
Email: [IB.Quanlyquy@techcombank.com.vn](mailto:IB.Quanlyquy@techcombank.com.vn) Website:  
<https://www.techcomcapital.com.vn/>
- Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý Quỹ TCBF năm 2021.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty/quỹ vào ngày 29/03/2022 tại đường dẫn: <http://www.techcomcapital.com.vn/index.php/category/cong-bo-thong-tin/>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

*Tài liệu đính kèm*

*Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ năm 2021*

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG**  
Người được ủy quyền CBTT



Tổng Giám đốc  
Đặng Lưu Dũng

**BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU TECHCOM  
NĂM TÀI CHÍNH 2021**

(Phụ lục 25 ban hành theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán)

**1. THÔNG TIN VỀ QUỸ:**

- a) Tên Quỹ, loại hình quỹ : Quỹ Đầu Tư Trái phiếu Techcom (TCBF), Quỹ mở
- b) Mục tiêu đầu tư của quỹ : Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư chủ yếu vào các loại tín phiếu, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, giấy tờ có giá và các công cụ thu nhập cố định khác có chất lượng tín dụng tốt. Công cụ có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, trái phiếu doanh nghiệp và các loại tài sản khác có lãi suất cố định.  
Trong nhiều trường hợp khác biệt, việc xem xét đầu tư sẽ do Đại hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ xem xét quyết định phù hợp với thẩm quyền tại Điều lệ này.
- c) Thời hạn hoạt động của quỹ : Không thời hạn
- d) Danh mục tham chiếu : Không áp dụng
- e) Chính sách phân chia lợi nhuận : Công ty quản lý quỹ được phân chia lợi nhuận của quỹ cho nhà đầu tư theo quy định tại điều lệ quỹ và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại bản cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của quỹ. Công ty quản lý quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ.  
Công ty quản lý quỹ được phân chia lợi nhuận của quỹ cho nhà đầu tư theo quy định tại điều lệ quỹ và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại bản cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của quỹ. Công ty quản lý quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy

định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ.

f) Số lượng chứng chỉ quỹ : 1.377.832.234,40 (thời điểm 31/12/2021)

g) Nội dung thay đổi tại điều lệ quỹ trong kỳ:

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Các văn bản pháp lý liên quan khác.

Đại hội Nhà Đầu tư thường niên năm tài chính 2020 lần thứ hai tổ chức ngày 19/05/2021 đã nhất trí thông qua toàn bộ Điều lệ quỹ sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật hiện hành có hiệu lực từ ngày 01/01/2021, thông tin chi tiết tham khảo tại nội dung công bố thông tin trên website của công ty QLQ theo đường link bên dưới:

<http://www.techcomcapital.com.vn/index.php/2021/05/20/tcbf-cong-bo-bien-ban-va-nghi-quyet-dai-hoi-nha-dau-tu-nam-tai-chinh-2020-lan-thu-hai-to-chuc-ngay-19052021/>

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư:

Đại hội Nhà Đầu tư thường niên năm tài chính 2020 lần thứ hai tổ chức ngày 19/05/2021 đã nhất trí thông qua Nghị quyết với các nội dung sau(\*):

#### **Điều 1:**

Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Quỹ tại tài liệu họp.

#### **Điều 2:**

Thông qua Báo cáo Ngân hàng giám sát của Quỹ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đính kèm báo cáo tài chính kiểm toán và được đăng tại website của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương tại địa chỉ: <http://www.techcomcapital.com.vn/index.php/category/cong-bo-thong-tin/>.

#### **Điều 3:**

Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán và được đăng tại website của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương tại địa chỉ: <http://www.techcomcapital.com.vn/index.php/category/cong-bo-thong-tin/>

#### **Điều 4:**

Thông qua phương án phân phối lợi nhuận cho Nhà Đầu tư năm tài chính 2020 Quý tại tài liệu họp.

**Điều 5:**

Thông qua kế hoạch hoạt động năm 2021 của Quý tại tài liệu họp.

**Điều 6:**

Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính của Quý cho năm tài chính kết thúc 31/12/2021.

**Điều 7:**

Thông qua Ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quý năm 2021 tại tài liệu họp.

**Điều 8:**

Thông qua việc điều chỉnh nhiệm kỳ của Ban Đại diện Quý như sau:

	Nhiệm kỳ hiện tại	Nhiệm kỳ thay đổi
Nhiệm kỳ Ban đại diện quỹ	2019-2021	2019-2023

**Điều 9:**

Thông qua việc Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2020 ủy quyền cho Ban Đại diện Quý quyết định:

- Quyết định mức Giá dịch vụ Quản lý trong mức tối đa là 1,5%/NAV/năm.
- Hiệu lực của việc điều chỉnh Giá dịch vụ Quản lý sau khi Ban Đại Diện Quý phê duyệt sẽ được Công ty quản lý Quỹ công bố trên trang website.
- Trường hợp thay đổi Giá dịch vụ Quản lý vượt mức tối đa nêu trên sẽ phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư phê duyệt

**Điều 10:**

Thông qua toàn bộ nội dung sửa đổi và bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom (TCBF) tại tài liệu họp.

**Điều 11:**

Nghị quyết Đại hội có hiệu lực từ ngày ký.

(\*) Thông tin chi tiết được đăng tại website của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương.

i) Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở;

Xin xem chi tiết tại Mục 4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát.

## 2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Trái phiếu niêm yết	51,18%	32,75%	49,49%
Trái phiếu chưa niêm yết	2,75%	8,48%	6,55%
Chứng chỉ tiền gửi	11,57%	20,80%	25,26%
Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	24,89%	25,92%	11,66%
Tiền gửi và các khoản tương đương tiền	6,88%	10,59%	4,77%
Tài sản khác	2,73%	1,46%	2,24%
	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

Thông tin về giá trị tài sản ròng của quỹ:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	21.577.788.816.709	24.129.219.949.881	15.360.321.152.586
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	1.377.832.234,40	1.647.049.029,39	1.115.893.868,59
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ (CCQ)	15.660,67	14.649,97	13.765,03
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	15.660,67	14.657,89	13.765,03
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	14.657,53	13.767,78	12.735,25
Thu nhập của Quỹ			
1. Lãi tiền gửi ngân hàng	595.528.231.163	206.623.273.351	82.094.664.101
2. Lãi chứng chỉ tiền gửi	322.003.078.904	275.572.019.174	166.169.415.528
3. Lãi trái phiếu	908.694.599.193	978.791.386.564	784.732.757.481
4. Lãi (lỗ) bán các khoản đầu tư	(1.474.599.474)	(10.289.610.712)	3.015.679.781
5. Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	259.406.595.998	(96.807.736.616)	84.985.325.746
6. Doanh thu khác	6.000	430.902.711	25.505.449
Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Chưa phân phối	Chưa phân phối	Chưa phân phối
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	Chưa phân phối	Chưa phân phối	Chưa phân phối

Ngày chốt quyền	Chưa phân phối	Chưa phân phối	Chưa phân phối
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	1,32%	1,63%	1,65%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	70,62%	65,41%	104,58%

b) Chỉ tiêu lợi nhuận của Quỹ:

	<i>1 năm đến thời điểm báo cáo (%)</i>	<i>3 năm đến thời điểm báo cáo (%)</i>	<i>5 năm đến thời điểm báo cáo (%)</i>	<i>Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)</i>
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	14,61%	0,34%	29,49%	748,64%
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	-36,83%	-49,77%	-77,26%	22,48%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	6,90%	22,93%	43,89%	56,61%
Tăng trưởng hàng năm (%)/1 đơn vị CCQ	6,90%	7,12%	7,55%	7,55%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	16,76%	102,62%	2388,26%	Không áp dụng

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, là thống nhất đã được phê duyệt bởi Ban đại diện Quỹ;

d) Khuyến cáo: các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

### 3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ: Không có

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ): Quỹ hoàn thành mục tiêu mang lại lợi nhuận dài hạn đều đặn cho các Nhà Đầu tư.

Theo báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến cuối kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị CCQ của Quỹ là 6,9% so với thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 .

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bảng đồ thị): Không áp dụng do Quỹ không có danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở.

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): Không áp dụng do Quỹ không có danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở.

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ: Quỹ không thay đổi chiến lược trong kỳ báo cáo. Chiến lược Quỹ sử dụng trong kỳ báo cáo là chiến lược đã được công bố thông tin tại Bản cáo bạch.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:

Thông tin về cơ cấu danh mục tham khảo tại mục a) phần 2. Báo cáo về kết quả hoạt động của Quỹ nêu trên.

So với danh mục tại thời điểm 31/12/2022, tại thời điểm 31/12/2021 Quỹ tăng đáng kể tỷ trọng đầu tư vào trái phiếu niêm yết.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất;

Trong kỳ Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small- cap)...

- Đánh giá biến động của thị trường trong kỳ báo cáo:

*Kinh tế vĩ mô năm 2021*

Năm 2021 ước tính tổng sản phẩm trong nước ("GDP") tăng 2,58% so với năm trước do dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là trong quý III năm 2021 nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh. Cụ thể quý I tăng 4,72%; quý II tăng 6,73%; quý III giảm 6,02%; quý IV tăng 5,22%. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,9%, đóng góp 13,97% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4,05%, đóng góp 63,80%; khu vực dịch vụ tăng 1,22%, đóng góp 22,23%.

Xét trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, năng suất cây trồng tốt, chăn nuôi tăng trưởng ổn định, kim ngạch xuất khẩu một số nông sản năm 2021 tăng. Ngành nông nghiệp tăng 3,18%, đóng góp 0,29 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 3,88%, đóng góp 0,02 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 1,73%, đóng góp 0,05 điểm phần trăm.

Đối với vực công nghiệp và xây dựng, với tốc độ tăng 6,37% ngành công nghiệp chế biến, chế tiếp tục tạo động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế, đóng góp 1,61 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Ngành sản xuất và phân phối điện tăng 5,24%, đóng góp 0,19 điểm phần trăm. Ngành khai khoáng giảm 6,21%, làm giảm 0,23 điểm phần trăm do sản lượng dầu mỏ thô khai thác giảm 5,7% và khí đốt thiên nhiên dạng khí giảm 19,4%. Ngành xây dựng tăng 0,63%, đóng góp 0,05 điểm phần trăm.

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 diễn biến phức tạp từ cuối tháng tư đến hoạt động thương mại và dịch vụ. Mức tăng chung của khu vực dịch vụ và toàn bộ nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi tăng trưởng âm của một số ngành

dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn. Ngành bán buôn, bán lẻ giảm 0,21% so với năm trước, làm giảm 0,02 điểm phần trăm trong tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành vận tải kho bãi giảm 5,02%, làm giảm 0,3 điểm phần trăm; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm mạnh 20,81%, làm giảm 0,51 điểm phần trăm. Ngành y tế và hoạt động trợ giúp xã hội đạt tốc độ tăng cao nhất trong khu vực dịch vụ với mức tăng 42,75%, đóng góp 0,55 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 9,42%, đóng góp 0,52 điểm phần trăm; ngành thông tin và truyền thông tăng 5,97%, đóng góp 0,36 điểm phần trăm.

Về cơ cấu nền kinh tế năm 2021, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 12,36%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,86%; khu vực dịch vụ chiếm 40,95%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,83%.

Về sử dụng GDP năm 2021, tiêu dùng cuối cùng tăng 2,09% so với năm 2020; tích lũy tài sản tăng 3,96%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,01%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 16,16%.

Theo giá hiện hành năm 2021 năng suất lao động của toàn nền kinh tế ước tính đạt 171,3 triệu đồng/lao động (tương đương 7.398 USD/lao động, tăng 538 USD so với năm 2020). Theo giá so sánh, năng suất lao động năm 2021 tăng 4,71% do trình độ của người lao động được cải thiện (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ năm 2021 đạt 26,1%, cao hơn mức 25,3% của năm 2020).

### *Thị trường trái phiếu năm 2021*

Trên thị trường sơ cấp, trong tháng 12, Kho bạc Nhà nước (“KBNN”) tổ chức 21 đợt đấu thầu trái phiếu Chính phủ (“TPCP”) với tổng giá trị gọi thầu đạt 38.750 tỷ đồng, tỷ lệ trúng thầu đạt 78%. Ngân hàng phát triển Việt Nam gọi thầu 11.000 tỷ đồng với tỷ lệ trúng thầu đạt 77,3%. Trong tháng 12, KBNN đã điều chỉnh kế hoạch phát hành TPCP trong quý 4 xuống còn 86.000 tỷ đồng từ mức 135.000 tỷ đồng trước đó, bao gồm các kỳ hạn 5 năm (1.500 tỷ đồng), 7 năm (500 tỷ đồng), 10 năm (28.000 tỷ đồng), 15 năm (31.000 tỷ đồng), 20 năm (14.000 tỷ đồng) và 30 năm (11.000 tỷ đồng). Tính đến hết tháng 12, KBNN đã phát hành tổng cộng 80.499 tỷ đồng TPCP trong Quý, tương ứng 94% kế hoạch Quý IV. Tính từ đầu năm đến hết tháng 12/2021, kết quả phát hành TPCP đạt 318.213 tỷ đồng, tương đương 98% kế hoạch cả năm sau điều chỉnh.

Trên thị trường thứ cấp, trong tháng 12 giá trị giao dịch thông thường (Outright) và giao dịch mua bán lại (Repo) lần lượt đạt 164.718 tỷ (giảm 9,4% so với tháng trước) và 123.011 tỷ (tăng 23% so với tháng trước). Giá trị giao dịch Outright và Repo trung bình ngày lần lượt đạt mức 7.162 tỷ đồng/ngày (giảm 13,3% so với tháng trước) và 5.348 tỷ đồng/ngày (tăng 17,6% so với tháng trước). So với cùng kỳ hạn năm trước, khối lượng giao dịch Outright tháng 12 giảm 22,9% và khối lượng giao dịch repo tăng 12,9%.

Trong tháng qua, lãi suất bình quân liên ngân hàng VND tăng mạnh 0,18-0,5% ở các kỳ hạn qua đêm, 1 tuần, 2 tuần lên lần lượt 0,81%, 1,18% và 1,44%. Riêng lãi suất kỳ hạn 9 tháng giảm 0,25% xuống 3,34%.

Lãi suất TPCP tăng nhẹ 0,01-0,07% ở các kỳ hạn từ 1 năm đến 30 năm so với trung bình tháng, riêng lãi suất kỳ hạn 20 năm giảm 0,02%. So với mặt bằng lãi suất năm ngoái, lãi suất giao dịch các kỳ hạn 5 năm đến 30 năm hiện tại thấp hơn 0,15-0,28%, trong khi lãi suất 1-4 năm cao hơn từ 0,29-0,35%. Trong tháng vừa qua, đường cong lãi suất không có nhiều biến động.

Lãi suất TPCP Việt Nam đang ở mức tương đối thấp trong khu vực. Khoảng cách lãi suất TPCP giữa Việt Nam và Mỹ từ đầu tháng 12 tới nay có xu hướng thu hẹp khoảng 0,02% và 0,13% ở kỳ hạn 1 và 3 năm, thu hẹp 0,08-0,12% ở các kỳ hạn từ 10-30 năm trong khi nới rộng 0,02-0,05% ở các kỳ hạn từ 5-7 năm.

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp trong tháng 12 có tổng cộng 80 đợt phát hành trong nước với tổng giá trị đạt 65.757 tỷ đồng. Trong tháng 12, Ngân hàng và Bất động sản hiện là 2 nhóm ngành phát hành khối lượng trái phiếu lớn nhất với giá trị lần lượt là 46.926 tỷ đồng và 9.538 tỷ đồng, chiếm 71,36% và 14,5% tổng giá trị phát hành của tháng.



Trong năm 2021 có tổng cộng 964 đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp (“TPDN”) trong nước với tổng giá trị đạt 595 nghìn tỷ đồng, trong đó có 937 đợt phát hành riêng lẻ và 23 đợt phát hành ra công chúng, 4 đợt phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế tổng giá trị 1.425 tỷ USD.

Nhóm ngân hàng thương mại hiện dẫn đầu về giá trị phát hành với tổng khối lượng 223,01 nghìn tỷ đồng, có 55,3 nghìn tỷ đồng trái phiếu tăng vốn cấp 2 (chiếm 25%), 73% trái phiếu phát hành kỳ hạn ngắn 2-4 năm.

Nhóm Bất động sản đứng vị trí thứ 2 với tổng giá trị phát hành đạt 214,44 nghìn tỷ đồng, chiếm 36%. Trong đó có khoảng 29% giá trị trái phiếu phát hành không có tài sản đảm bảo hoặc đảm bảo bằng cổ phiếu. Lãi suất phát hành dao động trong khoảng 8%-13% năm.

Có 4 đợt phát hành trái phiếu quốc tế bao gồm: Tập đoàn Vingroup (500 triệu USD), trái phiếu xanh của Công ty Cổ phần Bất động sản BIM (200 triệu USD), trái phiếu chuyển đổi của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (“Novaland”) (300 triệu USD), trái phiếu bền vững của Công ty Cổ phần Vinpearl (425 triệu USD).

*Nguồn: VBMA, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thuật tổng hợp*

- Thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Thu nhập của Quỹ			
Tiền lãi nhận được	1.826.225.909.260	1.460.986.679.089	1.032.996.837.110
Lãi tiền gửi ngân hàng	595.528.231.163	206.623.273.351	82.094.664.101
Lãi chứng chỉ tiền gửi	322.003.078.904	275.572.019.174	166.169.415.528
Lãi trái phiếu	908.694.599.193	978.791.386.564	784.732.757.481
Lãi (lỗ) bán các khoản đầu tư	(1.474.599.474)	(10.289.610.712)	3.015.679.781
Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	259.406.595.998	(96.807.736.616)	84.985.325.746
Doanh thu khác	6.000	430.902.711	25.505.449

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): Không có.

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Không có

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): Không có

m) Các thông tin khác (nếu có).

#### 4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương trong quá trình vận hành và quản lý Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Techcom (“TCBF” hoặc “Quỹ”) đối với các nội dung sau:

- a) Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có): từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát.
- b) Việc lưu ký tài sản của quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Quỹ đã thực hiện lưu ký tài sản theo các quy định pháp luật hiện hành.
- c) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;

Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, hạn mức đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với các quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan, cụ thể như sau:

Theo Điểm b, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 98”) và Điều 10, Điều lệ Quỹ quy định cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải đảm bảo: “Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ.” Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cho phù hợp với quy định trong thời gian cho phép.

Tại một số kỳ định giá trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, tỷ lệ đầu tư của Quỹ vào chứng khoán của một tổ chức phát hành đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 10% giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó.

Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định trong thời gian cho phép.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98 và Điều 10, Điều lệ Quỹ.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Quỹ không có bất kỳ hợp đồng vay và cho vay.

d) Việc xác định giá trị tài sản ròng theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản pháp luật có liên quan.

e) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ được tuân thủ theo quy định pháp luật liên quan hiện hành, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Quỹ đã thực hiện:

- Phát hành thêm chứng chỉ Quỹ: phát hành thêm 1.475.739.694,27 chứng chỉ Quỹ tương ứng với tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 14.757.396.942.700 đồng.

- Mua lại chứng chỉ Quỹ: mua lại 1.744.956.489,26 chứng chỉ Quỹ tương ứng với tổng giá trị mua lại theo mệnh giá là 17.449.564.892.600 đồng.

e) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

## 5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng... với các nội dung sau:

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

	Từ ngày 01/01 đến 31/12/2021	Từ ngày 01/01 đến 31/12/2020	Từ ngày 01/01 đến 31/12/2019
Tổng chi phí trả Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam (1)	29.349.661.504	19.833.441.974	14.895.960.469
Tổng chi phí hoạt động (2)	313.064.158.878	260.232.682.566	175.948.311.706
% Tổng chi phí hoạt động = (1)/(2)	9,37%	7,62%	8,47%
Tổng Lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện (3)	1.739.765.630.679	1.072.281.553.531	927.039.264.501
% Lợi nhuận = (1)/(3)	1,69%	1,85%	1,61%
Tổng Thu nhập đã thực hiện và chưa thực hiện của Quỹ (4)	1.826.225.909.260	1.460.986.679.089	1.032.996.837.110
% Thu nhập của Quỹ = (1)/(4)	1,61%	1,36%	1,44%

b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: Không có

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):

	Từ ngày 01/01 đến 31/12/2021	Từ ngày 01/01 đến 31/12/2020	Từ ngày 01/01 đến 31/12/2019
Tổng chi phí trả Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam (1)	29.349.661.504	19.833.441.974	14.895.960.469
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	9.131.037.974	6.072.095.934	5.547.297.142
Phí dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	52.790.000	325.185.000	239.100.000
Phí dịch vụ giám sát	8.609.264.376	5.725.119.018	3.870.862.854
Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	11.556.569.154	7.711.042.022	5.238.700.473

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam.

Theo đánh giá của chúng tôi, Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam là đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tính chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập... Do đó, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa của Ngân hàng nhận ủy quyền cho Quỹ TCBF được bảo đảm hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG**



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Phí Tuấn Thành*

